

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN ĐỨC AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 110/TTr- UBND

Đức An, ngày 06 tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" thị trấn Đức An

Kính gửi:

- UBND huyện Đắk Song;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song.

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-HKH, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội khuyến học huyện Đắk Song về việc kiểm tra, đánh giá và xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã năm 2022.

Căn cứ vào Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" thị trấn Đức An ngày 30 tháng 11 năm 2022.

Hội nghị đã tự chấm điểm và thống nhất với tổng số điểm là: 83 điểm
(Có hồ sơ kèm theo).

UBND thị trấn Đức An làm tờ trình kính đề nghị UBND huyện Đắk Song, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện xem xét đánh giá "Cộng đồng học tập" thị trấn theo quy định./.

Nơi nhận: *Thư*
- Như trên;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



huy
Trần Văn Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN ĐỨC AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Số: 270/BC-UBND

Đức An, ngày 08 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" Thị trấn Đức An

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã;

Công văn số 1994/UBND-VX, ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã;

Căn cứ Hướng dẫn số 44/HD-HKH, ngày 31/3/2016 của Hội khuyến học tỉnh Đắk Nông về "Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu Gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập và đơn vị học tập";

Căn cứ Kế hoạch số 03/KH-HKH, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội khuyến học huyện Đắk Song "Kế hoạch kiểm tra, đánh giá và xếp loại "cộng đồng học tập" cấp xã năm 2022.

Ủy ban nhân dân thị trấn Đức An báo cáo kết quả xây dựng "Cộng đồng học tập" năm 2022 như sau:

I. Kết quả thực hiện 15 tiêu chí cụ thể:

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp Đảng ủy, chính quyền

Kết quả đạt được: Hàng năm có dành kinh phí từ ngân sách của thị trấn để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)

Tồn tại cần khắc phục: Cần thường xuyên chỉ đạo về kết quả xây dựng xã hội học tập.

Số điểm đạt được: 6/8 điểm.

2. Tiêu chí 2: Hoạt động của Ban Chỉ đạo xã hội học tập

Kết quả đạt được: Ban Chỉ đạo xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế của địa phương.

Tồn tại cần khắc phục: Ban Chỉ đạo chưa thường xuyên, khen thưởng kịp thời.

Số điểm đạt được: 5/8 điểm

3. Tiêu chí 3: Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn

Kết quả đạt được: Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, HĐND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các trong xây dựng XHHT. Hàng năm, tổ chức hội nghị liên tịch và đã đánh giá, tổng kết công tác phối hợp.



Tồn tại cần khắc phục: Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSD) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các tổ chức Chính trị- Xã hội nhưng hoạt động chưa hiệu quả.

Số điểm đạt được: 7/8 điểm

4. Tiêu chí 4: Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn

Kết quả đạt được: Có đủ các trường mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Có đủ trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở.

Có đủ trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Tồn tại cần khắc phục: Chưa có trường mẫu giáo chuẩn quốc gia.

Số điểm đạt được: 12/15 điểm

5. Tiêu chí 5: Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ

Kết quả đạt được: Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3

Tồn tại cần khắc phục:

Số điểm đạt được: 14/14 điểm

6. Tiêu chí 6: Công bằng xã hội trong giáo dục

Kết quả đạt được: Đã có chính sách cụ thể, huy động hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp (trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật ...)

Tồn tại cần khắc phục:

Số điểm đạt được: 6/6 điểm

7. Tiêu chí 7: Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức.

Kết quả đạt được: Tỷ lệ cán bộ thị trấn trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên (vùng khó khăn: 85% trở lên)

Tồn tại cần khắc phục:

Số điểm đạt được: 6/6 điểm

8. Tiêu chí 8: Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên)

Kết quả đạt được: Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên.

Tồn tại cần khắc phục: Kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng chưa cao, còn hạn chế.

Số điểm đạt được: 0 điểm

9. Tiêu chí 9: Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”; “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập”

Kết quả đạt được: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt 60% trở lên

Tồn tại cần khắc phục: Tỷ lệ tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” còn thấp đạt 30%

Số điểm đạt được: 5/7 điểm

10. Tiêu chí 10: Kết quả xây dựng tổ dân phố được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

Kết quả đạt được: Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt 66,66%.

Tồn tại cần khắc phục: Còn tổ dân phố 4, tổ dân phố 6 chưa được công nhận “Khu dân cư văn hóa”

Số điểm đạt được: 3/4 điểm.

11. Tiêu chí 11: Giảm tỉ lệ hộ nghèo

Kết quả đạt được: Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo hằng năm.

Tồn tại cần khắc phục: Còn tình trạng tái nghèo, tỷ lệ giảm nghèo hàng năm còn thấp.

Số điểm đạt được: 2/3 điểm.

12. Tiêu chí 12: Thực hiện bình đẳng giới

Kết quả đạt được: Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể có nữ tham gia quản lý. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em trai và trẻ em gái.

Tồn tại cần khắc phục: Chưa bảo đảm tỷ lệ cân bằng giữa nam- nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng.

Số điểm đạt được: 5/6

13. Tiêu chí 13: Đảm bảo vệ sinh, môi trường

Kết quả đạt được: Môi trường, cảnh quan trên địa bàn đảm bảo xanh-sạch-đẹp. Chất thải, gia đình và cơ quan, được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia.

Tồn tại cần khắc phục: Vệ sinh, cảnh quan đô thị nhiều lúc vẫn chưa đảm bảo, việc thu gom rác thải chưa hiệu quả vẫn còn ô nhiễm.

Số điểm đạt được: 4 điểm

14. Tiêu chí 14: Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Kết quả đạt được: Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo. Các dịch bệnh được khống chế hiệu quả. Trẻ em được tiêm chủng đạt 100%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn thấp.

Tồn tại cần khắc phục:

Số điểm đạt được: 4/4 điểm

15. Tiêu chí 15: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội



Kết quả đạt được: Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp. Giảm các tệ nạn xã hội (đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp, ...).

Tồn tại cần khắc phục: Còn xảy ra tình trạng trộm cắp, mua bán trái phép các chất cấm...

Số điểm đạt được: 3/3 điểm

Tổng số điểm đạt được năm 2022 là: 83/100 điểm

Xếp loại: Khá

II. Tự đánh giá

1. Đánh giá chung: Nhìn chung đa số các tiêu chí đều đạt yêu cầu, còn một số tiêu chí chưa đạt điểm tối đa.

2. Những tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt được hoặc còn hạn chế: Tiêu chí 2, tiêu chí 5, tiêu chí 9.

3. Nguyên nhân, khó khăn: Cơ sở vật chất trường lớp chưa được đầu tư đúng mức, xây dựng phong trào “ Gia đình hiếu học” còn hạn chế, công tác tuyên truyền chưa hiệu quả, đội ngũ làm công tác Học tập cộng đồng chủ yếu là kiêm nhiệm do đó chưa có nhiều thời gian cho hoạt động của Trung tâm.

III. Phương hướng năm 2023

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục duy trì các tiêu chí, chỉ tiêu đã đạt

Tiêu chí, chỉ tiêu cần tập trung chỉ đạo trong năm: Tiêu chí 2, tiêu chí 5, tiêu chí 9.

2. Các giải pháp cơ bản

Thống nhất hành động từ các cấp ủy Đảng, Chính quyền, phối hợp nhịp nhàng giữa các Tổ chức Chính trị- Xã hội. Cấp ủy Đảng có Nghị quyết chỉ đạo, lãnh đạo Trung tâm HTCD.

UBND thị trấn có kế hoạch chỉ đạo hoạt động của trung tâm HTCD hàng năm. Đẩy mạnh hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

3. Những đề xuất, kiến nghị: Đề nghị cấp trên hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất các trường học, trung tâm học tập cộng đồng ./.

Nơi nhận: *Hand*

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Hội khuyến học (b/c);
- Lưu VT. TTHTCD.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP”
THỊ TRẤN ĐỨC AN NĂM 2022

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH- HKH, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội khuyến học huyện Đắk Song về việc Kiểm tra, đánh giá và xếp loại “cộng đồng học tập” cấp xã năm 2022.

Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” năm 2022 như sau:

Thời gian: Vào lúc 7h 00 phút ngày 30/10/2022, tại Hội trường UBND thị trấn Đức An, Đoàn kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp thị trấn, đã tiến hành kiểm tra cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Chủ trì: Trần Văn Thủy | - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND. |
| 2. Thư ký: Lê Thị Mai | - Công chức Văn hóa- Xã hội |
| 3. Các thành viên tham dự | |
| - Bà: Phạm Thị Thủy | - Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam thị trấn; |
| - Bà: Trịnh Thị Thúy | - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; |
| - Ông: Nguyễn Văn Yên | - Chủ tịch Hội Nông dân; |
| - Ông: Xuân Thế Phụng | - Bí thư Đoàn Thanh niên; |
| - Ông: Lê Văn Dũng | - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; |
| - Ông: Nguyễn Văn Sang | - Công chức Địa chính- Môi trường; |
| - Bà: Cán Thị Thành | - Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Tất Thành; |
| - Bà: Nguyễn Thị Hường | - Hiệu trưởng trường TH Chu Văn An; |
| - Ông: Trần Ngọc Sơn | - Hiệu trưởng trường TH Trần Hưng Đạo; |
| - Bà: Nguyễn Thị Thục | - Hiệu trưởng trường Mần non Sơn Ca. |

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

Sau khi kiểm tra hồ sơ, rà soát các tiêu chí và các minh chứng kèm theo, đoàn kiểm tra đã thống nhất cho điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được
1	Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp thị trấn.	8	6
2	Hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng	8	5

	xã hội học tập thị trấn.		
3	Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn thị trấn.	8	5
4	Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn.	15	12
5	Kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.	14	14
6	Công bằng xã hội trong giáo dục.	6	6
7	Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức thị trấn.	6	6
8	Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên).	4	
9	Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”; “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập tổ dân phố và tương đương”.	7	5
10	Kết quả xây dựng tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hoá”.	4	4
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo.	3	2
12	Thực hiện bình đẳng giới.	6	5
13	Đảm bảo vệ sinh, môi trường.	4	4
14	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	4	4
15	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.	3	3
Tổng điểm		100	83

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tổng số điểm đạt được năm 2022 là: 83/100 điểm.

Xếp loại: Khá

Qua việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại “ Cộng đồng học tập” năm 2022 của UBND thị trấn Đứn An, nhìn chung đã có những tiêu chí đạt được khá tốt, nhưng bên cạnh đó còn có những chỉ số của một số tiêu chí chưa đạt được. Ban Chỉ đạo “Cộng đồng học tập” khắc phục những chỉ số chưa đạt được trong năm 2023.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND huyện quan tâm hỗ trợ kinh phí hoạt động của công tác Hội Khuyến học, Trung tâm học tập cộng đồng.

Biên bản được thông qua vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 30/11/2022 và được đọc cho các thành viên tham gia nhất trí./.

THƯ KÝ

Thư ký

Lê Thị Mai

CHỦ TRÌ



Trần Văn Thủy

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP”
(Kèm Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2014)

TIÊU CHÍ	Mức điểm theo yêu cầu	Điểm đạt được	CÁC MINH CHỨNG
1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền (8 điểm)			
1.1. Cấp ủy Đảng, chính quyền có Nghị quyết/Chỉ thị/Quyết định về xây dựng xã hội học tập và thành lập ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập (XD XHHT)	2	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền - Quyết định thành lập hoặc kiện toàn ban chỉ đạo, quy chế hoạt động của ban chỉ đạo, quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên của trường ban chỉ đạo
1.2. Nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của HĐND, UBND	2	2	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình công tác của cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển KT-XH của UBND trình HĐND qua các kỳ họp hằng năm đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" vào các văn bản trên
1.3. Hằng năm có dành kinh phí từ ngân sách của thị trấn để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)	2	2	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính của thị trấn (phần kinh phí chi các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn) - Kế hoạch huy động các nguồn lực của địa phương để hỗ trợ XD "Cộng đồng học tập"
1.4. Cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT	2		Biên bản kiểm tra hằng tháng, hằng quý
2. Hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập thị trấn (8 điểm)			

2.1. Ban chỉ đạo xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế của địa phương	2	1	Kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng của ban chỉ đạo XD XHHTT
2.2. Ban chỉ đạo thường xuyên giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng kịp thời	2	1	- Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của ban chỉ đạo - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng XHHTT
2.3. Các thành viên trong ban chỉ đạo được phân công cụ thể và hoạt động thường xuyên và hiệu quả	2	1	Văn bản phân công công việc cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và các thành viên ban chỉ đạo XD XHHTT của trường ban chỉ đạo XD XHHTT thị trấn
2.4. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, XD XHHTT, XD "Công đồng học tập" được triển khai thường xuyên và có hiệu quả	2	2	- Các văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch triển khai của cấp ủy Đảng, chính quyền thị trấn quản triết các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh về XHHTT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân - Báo kết quả tổ chức tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền và thông kê số người, đối tượng được tuyên truyền. Đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền về XHHTT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân - Các bài viết tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh
3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm)			
3.1. Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHTT, trong đó hội khuyến học giữ	2	2	Các chương trình phối hợp đã ký kết hoặc văn bản phân công công việc của ban chỉ đạo

vai trò nòng cốt			
3.2. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSD) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp	2	1	Kế hoạch hoạt động hằng năm của ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức về XD XHHT và kết quả thực hiện kế hoạch
3.3. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, HĐND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT. Hằng năm, tổ chức hội nghị liên tịch	2	2	Các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền hoặc các văn bản phối hợp của các đoàn thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của chủ tịch UBND thị trấn
3.4. Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hằng năm về sự phối kết hợp	2	2	Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm về sự phối kết hợp
4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn (15 điểm)			
4.1. Có đủ các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non	2	2	Căn cứ vào Điều lệ trường mầm non, kết hợp với báo cáo của thị trấn và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập thì cho 1 điểm
4.2. Có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2	1	Quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.3. Có đủ trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp	2	2	Căn cứ vào Điều lệ trường tiểu học, kết hợp với báo cáo của thị trấn và xem xét thực tế.

học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học			Nếu có nhưng còn thiếu trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học thì cho 1 điểm
4.4. Có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2	1	Quyết định công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.5. Có đủ trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở	2	2	Căn cứ vào Điều lệ trường THCS, kết hợp với báo cáo của thị trấn và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học thì cho 1 điểm
4.6. Có ít nhất một trường THCS đạt chuẩn quốc gia	2	2	Quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia của UBND tỉnh, TP
4.7. Trung tâm học tập cộng đồng hoặc trung tâm văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả được xếp loại tốt	3	2	Quyết định công nhận xếp loại TTHTCĐ của chủ tịch UBND huyện (được đánh giá và xếp loại theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của địa phương). Nếu xếp loại khá thì cho 2 điểm, xếp loại trung bình cho 1 điểm
5. Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ (14 điểm)			
5.1. Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên	2	2	Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 3 tuổi đang được nuôi dạy ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.2. Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 85% trở lên	2	2	Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ 3- 5 tuổi ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng

			để tính tỷ lệ ra lớp
5.3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2	2	Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi của UBND huyện
5.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	3	3	Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3	3	3	Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	2	2	Quyết định công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 thì cho 1 điểm
6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm)			
6.1. Có chính sách cụ thể hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp (trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật ...)	2	2	Quyết định của UBND cấp xã về việc huy động, sử dụng nguồn lực để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường (hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; cấp xe lăn cho trẻ em khuyết tật; cấp xe đạp cho trẻ em nghèo tại những vùng khó khăn; hỗ trợ đỡ đầu trẻ em mồ côi; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi...)
6.2. Tích cực huy động trẻ	2	2	Danh sách trẻ khuyết tật ở địa

em khuyết tật ra trường, lớp tham gia học tập hòa nhập			phương và danh sách trẻ khuyết tật ra lớp hằng năm (căn cứ số điều tra với số phổ cập GDMN, GDTH và GDTHCS)
6.3. Có các hình thức tổ chức cho trẻ em khuyết tật tham gia học tập	2	2	Các hình thức tổ chức cụ thể
7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm)			
7.1. Tỷ lệ cán bộ thị trấn có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên (vùng khó khăn: 85% trở lên)	2	2	Danh sách cán bộ của thị trấn có ghi chức vụ (hoặc vị trí công tác), trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, quản lý nhà nước, tin học... đã được đào tạo đến thời điểm đánh giá
7.2. Tỷ lệ cán bộ thị trấn được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc đạt 100% (vùng khó khăn: 90% trở lên)	2	2	Danh sách cán bộ của thị trấn được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc
7.3. Tỷ lệ công chức thị trấn thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt 85% trở lên (vùng khó khăn: 75% trở lên)	2	2	Danh sách công chức thị trấn được bồi dưỡng từng năm của 3 năm gần nhất (chuyên đề gì?, thời gian bồi dưỡng, do cơ quan, cơ sở đào tạo nào mở...)
8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm)			
Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên	4		Thống kê lập danh sách lao động nông thôn của địa phương và danh sách học viên của các lớp đã mở; số đầu bài. Nếu tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt từ 60-69% cho 3 điểm; đạt từ 50-59% cho 2 điểm; dưới 50% cho 1 điểm

9. Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”, “ Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập tổ dân phố và tương đương” (7 điểm)

<p>9.1. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt 70% trở lên (vùng khó khăn: 60% trở lên)</p>	<p>3</p>	<p>3</p>	<p>Số hộ gia đình trong cấp xã; số hộ gia đình được hội khuyến học công nhận “Gia đình hiếu học”. Nếu tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 1 điểm</p>
<p>9.2. Tỷ lệ tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt 60% trở lên (vùng khó khăn: 50% trở lên)</p>	<p>4</p>	<p>2</p>	<p>Danh sách tổ dân phố; các quyết định của chủ tịch UBND TT công nhận tổ dân phố " Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập". Nếu tỷ lệ tổ dân phố đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 3 điểm; đạt từ 40-49% (vùng khó khăn: 30-39%) cho 2 điểm; đạt dưới 40% (vùng khó khăn: 30%) cho 1 điểm</p>
<p>10. Kết quả xây dựng tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" (4 điểm)</p>			
<p>Tỷ lệ tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt 80% trở lên (vùng khó khăn: 70% trở lên)</p>	<p>4</p>	<p>4</p>	<p>Danh sách tổ dân phố của thị trấn; các quyết định của chủ tịch UBND cấp huyện công nhận tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Khu dân cư văn hóa". Nếu tỷ lệ tổ dân phố đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt từ 70-79% (vùng khó khăn: 60-69%) cho 3 điểm; đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt dưới 70% (vùng khó khăn: 50%) cho 1 điểm</p>
<p>11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3đ)</p>			
<p>Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo</p>	<p>3</p>	<p>2</p>	<p>Báo cáo kinh tế - xã hội của</p>

hàng năm			UBND thị trấn trước kỳ họp HĐND cuối năm hoặc 6 tháng đầu năm và kết quả điều tra hộ nghèo (Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011- 2020). Nếu địa phương không có hộ nghèo thì cho điểm tối đa (3 điểm)
12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm)			
12.1. Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể xã có nữ tham gia quản lý	1	1	- Danh sách lãnh đạo UBND thị trấn - Danh sách cán bộ nữ làm công tác quản lý ở UBND ở thị trấn
12.2. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức	1	1	Báo cáo
12.3. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em trai và trẻ em gái	2	2	Danh sách trẻ em trai và gái trong độ tuổi đi học
12.4. Bảo đảm tỷ lệ cân bằng giữa nam - nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng	2	1	Thống kê, báo cáo của TTHTCĐ thị trấn (danh sách nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại TTHTCĐ)
13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm)			
13.1. Môi trường, cảnh quan trên địa bàn đảm bảo xanh-sạch-đẹp	1	1	- Có nhiều cây xanh, thường xuyên được chăm sóc và bổ sung. Đường đi lối lại trong thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương, trụ sở UBND TT, khuôn viên các nhà trường, ... luôn giữ sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu cảnh quan sư phạm

			- Mọi người được giáo dục cách sống khoẻ mạnh và có sự hỗ trợ về y tế, về tâm lý
13.2. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85% trở lên. (Vùng khô hạn: 75% trở lên)	1	1	Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường
13.3. Chất thải, nước thải gia đình và cơ quan, xí nghiệp được thu gom và xử lý theo đúng quy định	1	1	Trong mỗi thôn (ấp, bản, tổ dân phố) đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường thu gom rác thải về nơi quy định để xử lý
13.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường	1	1	Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định
14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm)			
14.1. Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo	1	1	Không có người dân bị ngộ độc thực phẩm
14.2. Các dịch bệnh được không chế hiệu quả	1	1	Không có các dịch bệnh hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả
14.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23% trở xuống	1	1	Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 5 tuổi và danh sách trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.
14.4. Bảo đảm 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	1	1	Danh sách trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và danh sách trẻ đã tham gia tiêm chủng theo quy định (do trạm y tế cung cấp)
15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm)			

15.1. Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp	1	1	Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND thị trấn
15.2. Giảm các tệ nạn xã hội (đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp ...).	2	2	Báo cáo công tác phòng chống tệ nạn xã hội của UBND
Cộng	100	83	